

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 116/2017/DS-ST.**

**Ngày: 26 – 7 – 2017.**

*V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Cao Minh Tân.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Mua.**

2. Ông **Nguyễn Hoàng Tiến.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Lan** – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V địa chỉ tầng A, tòa nhà B, số nhà C, phố D, phường E, quận Ê, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Ông **Ngô Chí D** là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – *vắng mặt*).

- Ông **Lê Hiền T** trú tại số nhà G, đường I, phường K, quận L, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 06/2017/UQ-CT ngày 08 tháng 02 năm 2017 – *vắng mặt*).

- Chị **Nguyễn Thị Kiều P** trú tại số nhà M, đường N, phường O, thành phố Ô, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 1641/2017/UQ-GĐK-TDĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 – *có mặt*).

**2. Bị đơn:** Ông **Phạm Văn Đ** trú tại ấp Q, xã R, huyện S, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Lê Hiền T là người đại*

*diện theo ủy quyền và chị Nguyễn Thị Kiều P là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:*

- Vào ngày 15/4/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Hồ Chí Minh cùng với ông Phạm Văn Đ ký kết hợp đồng tín dụng vay tài sản số 20140417-500001-0172 kèm theo bảng chiết tính chi tiết tiền vốn và lãi phải trả của khách hàng. Với nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đồng ý cho ông Đ vay số tiền 68.250.000 đồng; hình thức vay tín chấp không có tài sản bảo đảm; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 30 tháng kể từ ngày 14/6/2014 đến ngày 14/11/2016; lãi suất cho vay 3,75%/tháng; phương thức trả vốn và lãi vào ngày 14 của tháng, 29 tháng đầu trả số tiền vốn và lãi chia đều 3.828.000 đồng, tháng cuối trả số tiền vốn và lãi chia đều 3.827.000 đồng, tổng cộng số tiền 114.839.000 đồng; trường hợp ông Đ không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản tiền vay thì phải chịu phạt lãi chậm trả.

- Thực hiện hợp đồng: Ngày 14/6/2014 ông Đ được Ngân hàng Thương mại Cổ phần V giải ngân một lần số tiền 68.250.000 đồng. Từ ngày 16/6/2014 đến ngày 31/8/2016 ông Đ thanh toán được số tiền 44.452.000 đồng (17.307.012 đồng tiền gốc và 27.144.988 đồng tiền lãi) thì không tiếp tục thanh toán. Tính đến ngày 14/11/2016 là ngày đáo hạn hợp đồng, ông Đ còn nợ lại số tiền 70.387.000 đồng (50.942.988 đồng tiền gốc và 19.444.012 đồng tiền lãi). Mặc dù, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nợ vay nhưng ông Đ không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Đ có trách nhiệm trả lại số tiền vốn và lãi đến hạn là 70.387.000 đồng, số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng tính trên số tiền dư nợ gốc 50.942.988 đồng kể từ ngày 15/11/2016 đến ngày 26/7/2017 bằng 4.261.980 đồng. Tổng cộng số tiền 74.648.980 đồng. Ngoài ra, ông Đ còn có trách nhiệm trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 27/7/2017 cho đến khi tất toán xong dư nợ gốc số tiền 50.942.988 đồng.

*Tại biên bản phiên họp hòa giải ngày 12 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:*

- Ông Đ thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của chị Phương người đại diện tham gia tố tụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã thanh toán được 17.307.012 đồng tiền gốc và 27.144.988 đồng tiền lãi, tính đến ngày 14/11/2016 là ngày đáo hạn hợp đồng ông Đ còn nợ lại 50.942.988 đồng tiền gốc và 19.444.012 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền 70.387.000 đồng. Vì hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên ông Đ chưa thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

- Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, ông Đ có ý kiến như sau:

+ Ông Đ đồng ý trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nợ vốn và lãi vay đến hạn số tiền là 70.387.000 đồng.

+ Ông Đ đồng ý trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng tính trên dư nợ gốc số tiền 50.942.988 đồng từ ngày 15/11/2016 đến ngày 26/7/2017 bằng 4.261.980 đồng và tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 27/7/2017 cho đến khi tất toán xong dư nợ gốc số tiền 50.942.988 đồng.

Nhưng do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên ông Đ yêu cầu được trả dần hàng tháng cho đến khi dứt nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, kèm theo các tài liệu, chứng cứ giao nộp; lời trình bày của bị đơn ông Phạm Văn Đ. Đã đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng vay tài sản được quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đ có nơi cư trú tại huyện S và nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú của bị đơn để giải quyết. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện:*

[3]. Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi vốn vay đến hạn số tiền 70.387.000 đồng: Căn cứ vào nội dung của tài liệu đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng số 20140417-500001-0172, bảng chiết tính chi tiết số tiền vốn và lãi phải trả của khách hàng và bảng thống kê lịch sử thanh toán nợ vay (BL: 13 – 19, 21 – 22) cùng lời thừa nhận của ông Đ. Đủ cơ sở kết luận, tính đến ngày 14/11/2016 ông Đ còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền gốc 50.942.988 đồng và 19.444.012 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền 70.387.000 đồng. Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được ông Đ đồng ý trả nợ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận ý kiến của bị đơn đồng ý trả nợ số tiền 70.387.000 đồng.

[4]. Đối với yêu cầu trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 15/11/2016 đến ngày tất toán xong dư nợ gốc số tiền 50.942.988 đồng: Mặc dù nội dung của hợp đồng tín dụng số 20140417-500001-0172 không ấn định mức lãi quá hạn trên dư nợ gốc phải trả. Tuy nhiên, tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 phần B của hợp đồng tín dụng có quy định về nghĩa vụ chịu khoản tiền phạt chậm trả nợ theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Tại

khoản 2 Điều 92 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Tại phiên tòa sơ thẩm, theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được ông Đ đồng ý trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 15/11/2016 đến ngày tất toán xong dư nợ gốc số tiền 50.942.988 đồng. Xét việc thỏa thuận mức lãi suất chậm trả giữa các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật ngân hàng, quy định của pháp luật dân sự có liên quan về vấn đề lãi suất và có lợi cho bị đơn. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận ý kiến đồng ý của bị đơn trả lãi chậm trả kể từ ngày 15/11/2016 đến ngày 26/7/2017 số tiền 4.261.980 đồng và trách nhiệm tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 27/7/2017 đến ngày tất toán xong dư nợ gốc số tiền 50.942.988 đồng.

[5]. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đòi ông Phạm Văn Đ trả lại số tiền 74.648.980 đồng. Ngoài ra, ông Đ còn phải tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 27/7/2017 cho đến khi tất toán xong dư nợ gốc số tiền 50.942.988 đồng.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

[7]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được chấp nhận toàn bộ. Nên ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí nên hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:**

1.1. Buộc ông Phạm Văn Đ có trách nhiệm trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 74.648.980 (Bảy mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm tám mươi) đồng.

1.2. Buộc ông Phạm Văn Đ có trách nhiệm trả tiếp số tiền lãi chậm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo mức lãi suất 01%/tháng tính kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2017 cho đến khi tất toán xong dư nợ gốc số tiền 50.942.988 (Năm mươi triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm tám mươi tám) đồng.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1. Buộc ông Phạm Văn Đ phải nộp án phí số tiền 3.732.449 (Ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi chín) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

2.2. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nhận lại số tiền 1.759.675 (Một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi lăm) đồng tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị Kiều P đã nộp theo Biên lai thu số N 0010034 ngày 12 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**4. Vụ án được xét xử công khai.** Có mặt chị Nguyễn Thị Kiều P người đại diện tham gia tố tụng không có quyền kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bị đơn ông Phạm Văn Đ. Vắng mặt ông Ngô Chí D người đại diện theo pháp luật và ông Lê Hiền T người đại diện theo ủy quyền có quyền kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Báo cho ông Đ có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông D và ông T vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + ĐDND + BD: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**CAO MINH TÂN**